

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ
QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày 08 tháng 11 năm 2012

Số: 07 /QĐ-HĐQL

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý hoạt động và Quy trình ứng vốn, chi hỗ trợ và hoàn trả vốn ứng, chi hỗ trợ thuộc nguồn vốn quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Bình

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ **QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT TỈNH QUẢNG BÌNH**

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất;

Căn cứ Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 5 tháng 9 năm 2011 của UBND Tỉnh về việc thành lập Quỹ phát triển đất tỉnh; Quyết định số 22/2012/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2012 của UBND Tỉnh về việc ban hành Điều lệ tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 1028/QĐ-CT ngày 7 tháng 5 năm 2012 về việc thành lập Hội đồng quản lý Quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Bình; số 478/QĐ-CT ngày 15 tháng 3 năm 2012 về việc bổ nhiệm Giám đốc Quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Nghị quyết số: 216/NQ-HĐQL ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Hội đồng quản lý Quỹ tại phiên họp thứ nhất;

Theo đề nghị của Giám đốc Quỹ phát triển đất tỉnh tại các Tờ trình số 131/QPTĐ ngày 17 tháng 9 năm 2012 và số 238/QPTĐ ngày 30 tháng 10 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý hoạt động và Quy trình ứng vốn, chi hỗ trợ và hoàn trả vốn ứng, chi hỗ trợ thuộc nguồn vốn quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Bình. 

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát; Giám đốc, Kế toán trưởng, các phòng chuyên môn trực thuộc Quỹ phát triển đất tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh Quảng Bình;
- Các Sở Tài Chính, KH&ĐT, Xây dựng, TN&MT;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình;
- UBND các Huyện, Thành phố;
- Trung tâm phát triển quỹ đất các huyện, thành phố;
- Lưu VT, thư ký HĐQT Quỹ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ
CHỦ TỊCH**



**PCT TT UBND TỈNH
Nguyễn Xuân Quang**

QUY CHẾ

Quản lý hoạt động và Quy trình ứng vốn, chi hỗ trợ và hoàn trả vốn ứng, chi hỗ trợ thuộc nguồn vốn quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/QĐ-HĐQL ngày 08/11/2012 của Hội đồng quản lý Quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Bình).

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định về quản lý hoạt động Quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Bình từ khâu tiếp nhận, quản lý nguồn vốn; nghiệp vụ ứng vốn và ứng vốn cho ngân sách Nhà nước để chi hỗ trợ; quản lý hoàn trả vốn ứng, các khoản ứng vốn chi hỗ trợ, chế độ báo cáo, kiểm tra, quyết toán vốn đầu tư (sau đây gọi tắt là quy trình nghiệp vụ) tại Quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Bình trên cơ sở thực hiện theo đúng quy định của Thủ tướng Chính Phủ tại Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12 tháng năm 2010 về việc ban hành Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất; Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước; Quyết định số 22/2012/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2012 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành Điều lệ về tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Bình; Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý quỹ; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Quỹ; Quy chế làm việc của Quỹ phát triển đất và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Bình và những tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động tiếp nhận nguồn vốn; thực hiện ứng vốn, ứng chi hỗ trợ từ nguồn vốn quỹ phát triển đất tỉnh; hoàn trả vốn ứng và hoàn trả các khoản ứng chi hỗ trợ.

Ngoài ra, Quy chế này làm cơ sở để Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ và các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan kiểm tra, kiểm soát, đối chiếu, giám sát hoạt động nghiệp vụ của Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Bình đảm bảo việc sử dụng Quỹ phải đúng mục đích, quản lý chặt chẽ, công khai, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 2. Một số từ viết tắt

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây hiểu như sau:

1. QĐ 40: Là từ viết tắt của quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/05/2010 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng quỹ phát triển đất. 

2. Điều lệ Quỹ: Là từ viết tắt của Quyết định số 22/2012/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2012 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành Điều lệ về tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Bình

3. HĐQT: Là từ viết tắt của Hội đồng quản lý

4. Quy chế làm việc của HĐQT: Là từ viết tắt của Quy chế làm việc của HĐQT quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Bình.

5. Quy chế làm việc của Quỹ phát triển đất được hiểu là Quy chế làm việc của Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ phát triển đất.

6. Quỹ phát triển đất được hiểu là Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Bình.

7. Nguồn vốn quỹ phát triển đất: Là nguồn tiền ngân sách Nhà nước cấp theo Điều 10 của Điều lệ Quỹ. Nguồn vốn này không bao gồm nguồn vốn ngân sách Nhà nước cấp theo dự toán hàng năm và nguồn thu khác theo quy định của pháp luật như lãi tiền gửi, phí ứng vốn, phí dịch vụ... để đảm bảo chi phí hoạt động thường xuyên của Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ, của HĐQT Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý nguồn vốn quỹ phát triển đất

1. Nguồn vốn quỹ phát triển đất

Nguồn vốn quỹ phát triển đất gồm nguồn vốn Ngân sách Nhà nước cấp và các nguồn vốn hợp pháp khác, cụ thể:

1.1 Theo Điều lệ Quỹ, hàng năm UBND tỉnh trích 30% từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh (sau khi trừ các khoản chi để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các chi phí có liên quan khác theo quy định) để bổ sung nguồn vốn cho Quỹ hoạt động.

1.2 Các nguồn vốn khác của Quỹ gồm: Vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ hoặc ủy thác quản lý của các tổ chức quốc tế, tổ chức và cá nhân trong nước và ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ, ủy thác theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc quản lý nguồn vốn quỹ phát triển đất

Nguồn vốn quỹ phát triển đất phải luôn luôn được bảo toàn (được hiểu là quá trình thực hiện ứng vốn, ứng chi hỗ trợ đều gắn liền đồng thời với việc phải hoàn trả đầy đủ và đúng hạn số vốn đã ứng và các khoản đã ứng chi hỗ trợ trước đó); Việc sử dụng nguồn vốn này phải đúng mục đích tạo quỹ đất, phát triển quỹ đất và các nhiệm vụ phục vụ phát triển kinh tế, xã hội của địa phương; bảo đảm quản lý chặt chẽ, công khai, minh bạch, hiệu quả và đúng với chủ trương, Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh, phù hợp với quy định của pháp luật. Thực hiện nguyên tắc hoạt động của Quỹ là bảo toàn vốn, bù đắp chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động không vì mục đích lợi nhuận.

Điều 4. Mục đích sử dụng nguồn vốn quỹ phát triển đất

1. Nguồn vốn quỹ phát triển đất được sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ sau đây

1.1. Ứng vốn cho Tổ chức phát triển quỹ đất để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ



- a) Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- b) Tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất để đầu tư giá quyền sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;
- c) Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong khu vực đã có quy hoạch phải thu hồi đất mà người sử dụng đất có nhu cầu chuyển nhượng trước khi Nhà nước thu hồi đất;
- d) Tổ chức phát triển các khu tái định cư phục vụ việc thu hồi đất thực hiện các dự án;
- đ) Tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên quỹ đất đã được giao quản lý để đầu tư.

1.2. Ứng vốn cho các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện việc bồi thường GPMB, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo quy hoạch để thực hiện các dự án tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

1.3. Ứng vốn cho các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện đầu tư tạo quỹ đất, quỹ nhà tái định cư theo quy hoạch.

1.4. Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ thực hiện các đề án đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp cho các đối tượng bị Nhà nước thu hồi đất.

1.5. Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ khoản chênh lệch cho hộ gia đình, cá nhân vào khu tái định cư trong trường hợp hộ gia đình, cá nhân nhận đất ở, nhà ở tái định cư mà số tiền được bồi thường, hỗ trợ nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu.

1.6. Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ xây dựng khu tái định cư; hỗ trợ xây dựng các công trình hạ tầng tại địa phương có đất bị thu hồi.

2. Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng

2.1 Trong quá trình hoạt động, Quỹ được phép sử dụng nguồn vốn quỹ phát triển đất tạm thời chưa sử dụng để gửi tại các tổ chức tín dụng với thời hạn gửi hợp lý, linh hoạt, trên cơ sở phải đảm bảo nguyên tắc ưu tiên nguồn vốn giải ngân kịp thời để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ khoản 1 Điều này theo chủ trương và các quyết định bố trí ứng vốn, ứng chi hỗ trợ của Chủ tịch UBND tỉnh.

2.2 Giám đốc Quỹ xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm trước HĐQT Quỹ, trước pháp luật về việc gửi tiền tại các tổ chức tín dụng sau khi báo cáo xin chủ trương và được sự chấp thuận của Chủ tịch HĐQT Quỹ (với phương châm và yêu cầu là phải bảo đảm tuyệt đối an toàn, hiệu quả và khi có quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh về bố trí ứng vốn cho công trình, dự án thì phải đáp ứng kịp thời; Đồng thời, xác định tổ chức tín dụng để gửi phải là thực sự có uy tín, có vai trò định hướng hoạt động kinh doanh ngân hàng trên địa bàn và đã có đóng góp hỗ trợ thiết thực hàng năm trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội và các chương trình hỗ trợ người nghèo, nhân đạo, từ thiện, an sinh xã hội ở địa phương).

Điều 5. Thẩm quyền quyết định ứng vốn và chi hỗ trợ

1. Đối với các khoản ứng vốn cho các nhiệm vụ quy định tại các mục 1.1, 1.2, 1.3 khoản 1 Điều 4 Quy chế này do Giám đốc Quỹ tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định; Thực hiện giải ngân vốn ứng cho các tổ chức theo quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh. (Thực hiện quyền hạn của Quỹ theo quy định tại điểm 3, điều 5 của Điều lệ Quỹ)

2. Đối với các khoản chi hỗ trợ cho các nhiệm vụ quy định tại các mục 1.4, 1.5, 1.6 khoản 1 Điều 4 Quy chế này thì Quỹ phát triển đất phối hợp với Sở Tài chính (chủ trì) cùng với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan thẩm định nhu cầu chi hỗ trợ trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định; Thực hiện giải ngân vốn ứng cho ngân sách Nhà nước để chi hỗ trợ theo quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh (thực hiện quyền hạn của Quỹ theo quy định tại điểm 2, điều 5 của Điều lệ Quỹ).

CHƯƠNG II

QUẢN LÝ NGUỒN VỐN QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT

Điều 6. Tiếp nhận, quản lý nguồn vốn quỹ phát triển đất

1. Đối với nguồn vốn quỹ phát triển đất năm 2011 và 5 tháng đầu năm 2012 (trước khi Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ phát triển đất tỉnh đi vào hoạt động)

1.1 HĐQT Quỹ ủy quyền và phân công Phó chủ tịch HĐQT Quỹ, kiêm Giám đốc Quỹ (sau đây gọi là Giám đốc Quỹ) chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐQT Quỹ, trước Chủ tịch UBND tỉnh trực tiếp làm việc với Sở Tài chính và các ngành có liên quan để tiếp nhận đầy đủ nguồn vốn quỹ phát triển đất mà Chủ tịch UBND tỉnh đã có quyết định chi ứng vốn, ứng chi hỗ trợ trước thời điểm Quỹ phát triển đất chính thức được thành lập và đi vào hoạt động (từ 31/5/2012 trở về trước).

1.2 Giám đốc Quỹ phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan để tổ chức tiếp nhận hồ sơ, tài liệu và công nợ đảm bảo chặt chẽ, đúng theo quy định. Thực hiện rà soát, phân loại và đánh giá khả năng hoàn trả vốn đã ứng, vốn đã chi hỗ trợ; phản ánh đúng tình hình nguồn vốn khi tiếp nhận và ghi đầy đủ vào hồ sơ tiếp nhận; đồng thời phối hợp Sở Tài chính, các Sở ngành có liên quan tham mưu đề xuất, báo cáo HĐQT Quỹ trình UBND tỉnh xử lý giải quyết các vướng mắc có liên quan đến việc hoàn trả vốn ứng, hoàn trả các khoản ứng chi hỗ trợ và thanh toán khoản phí ứng vốn theo đúng quy định của pháp luật.

1.3 Nguồn vốn sau khi tiếp nhận phải được hạch toán, ghi chép theo dõi, quản lý, thu hồi hoàn trả vốn đã ứng, đã chi hỗ trợ và thu phí ứng vốn theo đúng đối tượng và phương án ghi trong hồ sơ đảm bảo nguyên tắc bảo toàn vốn.

1.4 Trường hợp xét thấy khả năng thực hiện việc hoàn trả vốn đã ứng, các khoản đã ứng chi hỗ trợ và thu phí ứng vốn có dấu hiệu khó khăn, vướng mắc (nếu có) thì Giám đốc Quỹ chủ động kịp thời phối hợp chặt chẽ với Sở Tài chính và các ngành liên quan lập biên bản xác nhận nêu rõ thực trạng, kiến nghị, đề xuất biện pháp

pháp xử lý; đồng thời báo cáo HĐQL Quỹ đề trình UBND tỉnh chỉ đạo có biện pháp xử lý phù hợp, đúng theo quy định của pháp luật.

2. Tiếp nhận, theo dõi nguồn vốn quỹ phát triển đất được ngân sách Nhà nước bổ sung hàng năm

2.1 HĐQL Quỹ ủy quyền và giao Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm trước HĐQL Quỹ, trước Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng nguồn vốn quỹ phát triển đất được ngân sách bổ sung hàng năm theo quy định tại Điều lệ Quỹ (nguồn trích 30% từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh) vào tài khoản của Quỹ phát triển đất.

2.2 Định kỳ Giám đốc Quỹ làm việc với Sở Tài chính và các Cơ quan có liên quan cân đối và tạm trích lập nguồn vốn quỹ phát triển đất để đề nghị chuyển tiền về tài khoản của Quỹ phát triển đất để theo dõi, quản lý và sử dụng đúng quy định.

3. Thu hồi vốn ứng, thu hồi ứng chi hỗ trợ và thực hiện việc thu phí ứng vốn

Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm nắm bắt, theo dõi và thực hiện kịp thời việc thu hồi hoàn trả vốn ứng, các khoản chi hỗ trợ và thực hiện việc thu phí ứng vốn theo đúng quy định tại điều 13, điều 14 và điều 15 của Điều lệ Quỹ. Trong đó cần lưu ý nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất đối với các dự án đã ứng vốn và nguồn ngân sách bố trí để hoàn trả đối với các khoản ứng vốn, ứng chi hỗ trợ từ nguồn vốn quỹ phát triển đất và các khoản chi do NSNN tỉnh tạm ứng ngoài nhiệm vụ Quỹ phát triển đất tỉnh, thu phí ứng vốn theo quy định để đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện hoàn trả và thanh toán kịp thời nguồn vốn cho Quỹ theo đúng cam kết và đảm bảo nguyên tắc bảo toàn vốn trong quá trình hoạt động.

4. Phương thức tiếp nhận nguồn vốn quỹ phát triển đất

4.1 Giám đốc Quỹ thống nhất với các cơ quan có liên quan về cách thức, thời điểm thực hiện, giao nhận hồ sơ và chuyển tiền khi thực hiện tiếp nhận bổ sung nguồn vốn quỹ phát triển đất phát sinh tăng trong năm.

4.2 Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ mở tài khoản theo dõi nguồn vốn quỹ phát triển đất tại Kho Bạc Nhà nước và các Tổ chức tín dụng để quản lý đảm bảo việc sử dụng Quỹ phát triển đất phải đúng mục đích, quản lý chặt chẽ, công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

Điều 7. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn quỹ phát triển đất

Hàng năm Giám đốc Quỹ căn cứ nguồn vốn thực có, tiến độ hoàn trả vốn ứng của các dự án, kế hoạch bổ sung nguồn vốn quỹ phát triển đất được UBND tỉnh giao và danh mục các dự án, công trình đầu tư để lập kế hoạch ứng vốn cho các dự án, công trình báo cáo Chủ tịch HĐQL Quỹ trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng vốn năm theo nguyên tắc: chỉ giao tổng nguồn ứng vốn, danh mục các dự án ứng vốn, không giao mức vốn ứng cụ thể cho từng dự án. Mức ứng vốn cụ thể cho từng dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định trên cơ sở tiến độ thực hiện, nhu cầu vốn của các dự án và nguồn vốn thực có của Quỹ.

CHƯƠNG III

QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ CHI ỨNG VỐN

Điều 8. Xác định đối tượng ứng vốn

Đối tượng ứng vốn từ quỹ phát triển đất bao gồm các dự án ứng vốn trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; dự án tạo quỹ đất, phát triển quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế, xã hội của địa phương và các dự án ngoài nhiệm vụ của Quỹ phát triển đất nhưng được Chủ tịch UBND tỉnh cho chủ trương và Quyết định giao nhiệm vụ ứng vốn từ nguồn Quỹ phát triển đất tỉnh.

- Đối tượng được ứng vốn từ nguồn vốn quỹ phát triển đất cần phải đáp ứng đủ điều kiện sau:

+ Là các chủ đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc được cấp có thẩm quyền ủy quyền làm chủ đầu tư theo quy định của pháp luật;

+ Dự án có trong danh mục bố trí kế hoạch ứng vốn năm được UBND tỉnh phê duyệt; hoặc nếu không thuộc kế hoạch vừa nêu thì phải được sự chấp thuận về chủ trương của Chủ tịch UBND tỉnh trong việc bố trí ứng vốn cho dự án đó trong năm ngân sách;

+ Dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư hoặc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật theo quy định của pháp luật;

+ Dự án cung cấp đầy đủ hồ sơ tài liệu theo Điều lệ Quỹ và Quy chế này cùng các quy định có liên quan của pháp luật trong quản lý, thanh toán vốn đầu tư XDCB thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước.

- Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ phát triển đất tỉnh có trách nhiệm đối chiếu kiểm tra để xác định đối tượng đủ điều kiện được ứng vốn và thực hiện tiếp nhận hồ sơ, giải quyết giải ngân ứng vốn theo đúng quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh, trình tự quy định tại Điều lệ Quỹ, Quy chế này và các quy định khác có liên quan.

Điều 9. Hồ sơ, tài liệu cơ sở của dự án

Để phục vụ cho công tác quản lý, kiểm soát thanh toán vốn đầu tư, chủ đầu tư phải gửi đến Quỹ phát triển đất các hồ sơ, tài liệu cơ sở của dự án (các hồ sơ, tài liệu này đều là bản chính hoặc bản sao có đóng dấu sao y bản chính của chủ đầu tư, chỉ gửi một lần cho đến khi dự án kết thúc đầu tư, trừ trường hợp phải bổ sung, điều chỉnh), bao gồm:

1. Đối với dự án chuẩn bị đầu tư

- Dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư được duyệt;

- Văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua đấu thầu, chỉ định thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;

- Hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu.

2. Đối với dự án thực hiện đầu tư

- Dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật) và quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có);

- Văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu (gồm đấu thầu, chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp, chào hàng cạnh tranh, tự thực hiện và lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, lựa chọn nhà thầu tư vấn thiết kế kiến trúc công trình xây dựng);

- Hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu và các tài liệu kèm theo hợp đồng theo quy định của pháp luật (trừ các tài liệu mang tính kỹ thuật);

- Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền đối với từng công việc, hạng mục công trình, công trình đối với trường hợp chỉ định thầu hoặc tự thực hiện và các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng (trừ dự án chỉ lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật).

3. Đối với công tác chuẩn bị đầu tư nhưng bố trí vốn trong kế hoạch thực hiện đầu tư cần có dự toán chi phí cho các công việc chuẩn bị đầu tư được duyệt.

4. Đối với công việc chuẩn bị thực hiện dự án nhưng bố trí vốn trong kế hoạch thực hiện đầu tư

- Dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật) và quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có);

- Dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị thực hiện dự án được duyệt; Riêng việc bồi thường giải phóng mặt bằng phải kèm theo phương án bồi thường giải phóng mặt bằng được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Văn bản lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;

- Hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu và các tài liệu kèm theo hợp đồng theo quy định của pháp luật (trừ các tài liệu mang tính kỹ thuật).

5. Đối với trường hợp tự thực hiện

- Dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật) và quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có);

- Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền đối với từng công việc, hạng mục công trình, công trình (trừ dự án chỉ lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật).

- Văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép tự thực hiện dự án (trường hợp chưa có trong quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền);

- Văn bản giao việc hoặc hợp đồng nội bộ;

Giám đốc Quỹ phát triển đất tỉnh chỉ đạo phòng chuyên môn cử cán bộ nghiệp vụ được phân công tiếp nhận hồ sơ thực hiện lập phiếu giao nhận hồ sơ với Tổ chức, đơn vị ứng vốn theo biểu mẫu **M01/QPTĐ**.

Điều 10. Thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định ứng vốn

1. Thẩm định hồ sơ đề nghị ứng vốn của chủ đầu tư theo các nội dung

- Tính pháp lý của các tài liệu trong hồ sơ;

- Tư cách pháp lý của Chủ đầu tư, đơn vị thực hiện GPMB, Tái định cư, tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất.

- Xem xét đánh giá khả năng đáp ứng về nguồn vốn đầu tư của dự án; Kế hoạch vốn năm, trong đó vốn cho công tác bồi thường GPMB, tái định cư, tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất.

- Tính khả thi của dự án đầu tư, phương án và thời hạn hoàn trả vốn ứng.

- Mức độ ưu tiên của dự án về mục tiêu, vai trò, ý nghĩa của dự án, thời gian hoàn thành; Mục đích sử dụng vốn, phương thức ứng vốn, hiệu quả kinh tế, xã hội...

Việc tổ chức công tác thẩm định hồ sơ phải được tiến hành bởi cán bộ có nghiệp vụ chuyên môn, có năng lực, trách nhiệm và thực hiện một cách khách quan

độc lập. Đối với nội dung thẩm định cần có kiến thức và kinh nghiệm thuộc lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật đầu tư xây dựng thì do cán bộ chuyên môn thực hiện trước. Cán bộ được phân công thẩm định hồ sơ dự án có nhiệm vụ lập báo cáo thẩm định để Giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ kiểm soát, ký trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét phê duyệt bố trí ứng vốn cho dự án; Cán bộ nào thẩm định thì cán bộ đó chịu trách nhiệm về nội dung và kết quả thẩm định trước Giám đốc Quỹ, trước Chủ tịch UBND tỉnh và pháp luật về nội dung báo cáo thẩm định.

2. Lập báo cáo kết quả thẩm định

- Báo cáo kết quả thẩm định được lập **theo mẫu số M02/QPTĐ** bao gồm các nội dung cơ bản như sau: căn cứ thẩm định, phương pháp thẩm định, kết quả thẩm định đối tượng có đủ điều kiện cho ứng vốn không, mức vốn đề xuất cho ứng là bao nhiêu, hình thức, kế hoạch giải ngân ứng vốn, phí ứng vốn (nếu có), phương án, thời gian, hình thức hoàn trả vốn đã ứng, tính khả thi của dự án, khả năng trả nợ của Tổ chức ứng vốn, xác định trách nhiệm của cán bộ thẩm định hồ sơ ứng vốn trước Giám đốc Quỹ và trước Chủ tịch UBND tỉnh và pháp luật.

- Kế toán trưởng có trách nhiệm xem xét, đánh giá về nội dung Báo cáo kết quả thẩm định và có ý kiến đề xuất mang tính độc lập, báo cáo Giám đốc Quỹ thông qua và ký trình Chủ tịch UBND tỉnh làm cơ sở xem xét quyết định phê duyệt bố trí ứng vốn từ quỹ phát triển đất cho các công trình dự án.

3. Lập tờ trình đề nghị cho ứng vốn

Căn cứ nội dung báo cáo thẩm định (cả về kỹ thuật và kinh tế), phòng nghiệp vụ dự thảo tờ trình, Giám đốc Quỹ xem xét thông qua và ký trình Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị quyết định bố trí vốn từ quỹ phát triển đất ứng vốn cho dự án với nội dung cơ bản sau:

- Đối tượng đủ điều kiện ứng vốn không
- Mức vốn được ứng bao nhiêu
- Hình thức ứng vốn
- Phương án hoàn vốn
- Phí ứng vốn (nếu có)
- **Mẫu tờ trình số M03/QPTĐ**

4. Ký hợp đồng ứng vốn

Căn cứ Quyết định phê duyệt ứng vốn của Chủ tịch UBND tỉnh, Giám đốc Quỹ phát triển đất triển khai ký hợp đồng ứng vốn với chủ đầu tư và Tổ chức ứng vốn theo hợp đồng và quy chế này.

Điều 11. Hợp đồng, thanh lý hợp đồng ứng vốn

1. Hợp đồng ứng vốn do phòng nghiệp vụ soạn thảo, nội dung phải bảo đảm các nguyên tắc pháp lý ràng buộc trách nhiệm giữa Bên cho ứng vốn (Quỹ phát triển đất) và Tổ chức ứng vốn, bao gồm các nội dung sau:

- Thông tin pháp lý về người đại diện, địa chỉ trụ sở, điện thoại liên lạc, số hiệu tài khoản của các bên.
- Mục đích, đối tượng, phạm vi ứng vốn; 

- Điều kiện giải ngân ứng vốn;
- Hình thức thanh toán;
- Giá trị, thời hạn, tiến độ ứng vốn, hồ sơ tài liệu kèm theo giải ngân ứng vốn, thời hạn hoàn trả; Phí ứng vốn và thanh toán phí ứng vốn (nếu có);
- Quyền và nghĩa vụ mỗi bên;
- Hiệu lực hợp đồng và xử lý các tranh chấp phát sinh;

(Mẫu hợp đồng số M04A/QPTĐ)

2. Sau khi đã thực hiện hoàn thành quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng thì hợp đồng phải được thanh lý. **(Mẫu biên bản thanh lý hợp đồng số M04B/QPTĐ)**

Điều 12. Giải ngân ứng vốn

1. Đăng ký và cam kết thực hiện kế hoạch giải ngân

Chậm nhất ngày 25 hàng tháng, Tổ chức ứng vốn phải thực hiện đăng ký kế hoạch giải ngân ứng vốn tháng sau gửi Quỹ phát triển đất. **(Mẫu biểu Đăng ký và cam kết thực hiện kế hoạch giải ngân số M05/QPTĐ)**

2. Các hình thức giải ngân vốn ứng

Quỹ phát triển đất ứng vốn cho chủ đầu tư để chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu theo hợp đồng hoặc thanh toán cho các công việc của dự án thực hiện không thông qua hợp đồng theo hai (02) hình thức sau:

- Giải ngân tạm ứng;
- Giải ngân thanh toán khối lượng hoàn thành.

3. Hình thức giải ngân tạm ứng

Việc tạm ứng vốn của chủ đầu tư cho nhà thầu chỉ cho các công việc cần thiết phải tạm ứng trước và phải được quy định rõ đối tượng, nội dung và công việc cụ thể trong hợp đồng. Mức vốn tạm ứng, thời điểm tạm ứng và việc thu hồi tạm ứng phải theo quy định của Nhà nước đối với từng loại hợp đồng, cụ thể như sau:

3.1 Mức vốn tạm ứng:

* Đối với hợp đồng thi công xây dựng:

Việc tạm ứng vốn cho các dự án đầu tư (trong kế hoạch) phải trên cơ sở khối lượng thực hiện. Đối với dự án chưa có khối lượng thực hiện, mức tạm ứng vốn tối đa là 30% của tổng mức kế hoạch vốn được giao hàng năm. Việc ứng chi tiếp chỉ thực hiện sau khi thanh toán khối lượng hoàn thành. Trường hợp các dự án có nhu cầu tạm ứng vốn cao hơn để thực hiện đẩy nhanh tiến độ và các công trình vượt lũ, công trình cấp bách thì chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, quyết định; mức vốn tạm ứng được quyết định như sau:

- Hợp đồng có giá trị dưới 10 tỷ đồng, mức tạm ứng tối thiểu bằng 20% giá trị hợp đồng;
- Hợp đồng có giá trị từ 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng, mức tạm ứng tối thiểu bằng 15% giá trị hợp đồng;
- Hợp đồng có giá trị trên 50 tỷ đồng, mức tạm ứng tối thiểu bằng 10% giá trị hợp đồng.

* Đối với hợp đồng cung cấp thiết bị công nghệ, hợp đồng EPC, hợp đồng chìa khóa trao tay và các loại hợp đồng xây dựng khác: mức tạm ứng tối thiểu bằng 10% giá trị hợp đồng.

* Đối với hợp đồng tư vấn: Mức tạm ứng tối thiểu bằng 25% giá trị hợp đồng.

* Mức tạm ứng tối đa của các loại hợp đồng trên là 50% giá trị hợp đồng. Trường hợp đặc biệt cần tạm ứng với mức cao hơn phải được người quyết định đầu tư cho phép.

* Đối với công việc bồi thường giải phóng mặt bằng: Mức vốn tạm ứng theo tiến độ thực hiện trong kế hoạch giải phóng mặt bằng.

* Ngoài mức vốn ứng tối đa theo các hợp đồng nêu trên, đối với một số cấu kiện, bán thành phẩm trong xây dựng có giá trị lớn phải được sản xuất trước để đảm bảo tiến độ thi công và một số loại vật tư phải dự trữ theo mùa, mức vốn tạm ứng theo nhu cầu cần thiết và do chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu.

* Mức vốn tạm ứng cho tất cả các khoản quy định của mục này không vượt kế hoạch vốn hàng năm đã bố trí cho gói thầu, dự án. Việc tạm ứng vốn được thực hiện sau khi hợp đồng có hiệu lực; trường hợp trong hợp đồng chủ đầu tư và nhà thầu thoả thuận có bảo lãnh tiền tạm ứng thì nhà thầu phải có bảo lãnh khoản tiền tạm ứng.

* Căn cứ các quy định tạm ứng nêu tại mục này, Chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị giải ngân vốn ứng theo hình thức tạm ứng để thực hiện thanh toán cho những nội dung trên.

3.2 Thu hồi vốn tạm ứng

* Vốn tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng, bắt đầu thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng. Mức thu hồi từng lần do chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu và quy định cụ thể trong hợp đồng.

* Đối với công việc giải phóng mặt bằng:

- Đối với công việc bồi thường, hỗ trợ: sau khi chi trả cho người thụ hưởng, chủ đầu tư tập hợp chứng từ, làm thủ tục thanh toán và thu hồi tạm ứng trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày làm việc kể từ ngày chi trả cho người thụ hưởng.

- Đối với việc mua nhà tái định cư và các công việc giải phóng mặt bằng khác: vốn tạm ứng được thu hồi vào từng kỳ thanh toán khối lượng hoàn thành và thu hồi hết khi đã thực hiện xong công việc giải phóng mặt bằng.

3.3 Chủ đầu tư có trách nhiệm cùng với nhà thầu tính toán mức tạm ứng hợp lý, quản lý việc sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả và có trách nhiệm hoàn trả đủ số vốn đã tạm ứng theo quy định.

Trường hợp vốn tạm ứng chưa thu hồi nhưng không sử dụng, nếu quá thời hạn 6 tháng quy định trong hợp đồng phải thực hiện khối lượng mà nhà thầu chưa thực hiện do nguyên nhân khách quan hay chủ quan hoặc sau khi ứng vốn mà nhà thầu sử dụng sai mục đích chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp cùng với Quỹ phát triển đất tỉnh thu hồi hoàn trả vốn đã tạm ứng cho Quỹ phát triển đất. Trường hợp đến hết năm kế hoạch mà vốn tạm ứng chưa thu hồi hết do hợp đồng chưa được thanh toán



đạt đến tỷ lệ quy định thì tiếp tục thu hồi trong kế hoạch năm sau và không trừ vào kế hoạch thanh toán vốn đầu tư năm sau.

3.4 Hồ sơ giải ngân vốn theo hình thức tạm ứng

Để được giải ngân ứng vốn theo hình thức tạm ứng, chủ đầu tư gửi đến Quỹ phát triển đất các tài liệu sau:

- Giấy đề nghị giải ngân ứng vốn theo hình thức tạm ứng;
- Hồ sơ chứng từ liên quan đến nội dung giải ngân ứng vốn theo hình thức tạm ứng;
- Bảo lãnh khoản tiền tạm ứng của nhà thầu (nếu trong hợp đồng chủ đầu tư và nhà thầu thoả thuận có bảo lãnh tiền tạm ứng), chủ đầu tư gửi Quỹ phát triển đất tỉnh bản sao có đóng dấu sao y bản chính của chủ đầu tư.

3.5 Thời gian giải ngân thanh toán ứng vốn theo hình thức tạm ứng

Quỹ phát triển đất giải ngân ứng vốn cho chủ đầu tư để thanh toán tạm ứng trong năm kế hoạch chậm nhất là đến ngày 31 tháng 12 (trừ trường hợp thanh toán tạm ứng để thực hiện giải phóng mặt bằng thì được thực hiện đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau). Chủ đầu tư có thể được thanh toán tạm ứng một lần hoặc nhiều lần cho một hợp đồng căn cứ vào nhu cầu thanh toán vốn tạm ứng nhưng không vượt mức vốn tạm ứng theo quy định nêu trên; trường hợp kế hoạch vốn bố trí không đủ mức vốn tạm ứng thì chủ đầu tư được tạm ứng tiếp trong kế hoạch năm sau.

4. Hình thức giải ngân thanh toán khối lượng hoàn thành

4.1 Đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng xây dựng

Việc thanh toán hợp đồng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng. Số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, thời hạn thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán phải được quy định rõ trong hợp đồng.

4.1.1. Đối với hợp đồng trọn gói:

Thanh toán theo tỉ lệ phần trăm giá hợp đồng hoặc giá công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc tương ứng với các giai đoạn thanh toán được ghi trong hợp đồng.

4.1.2 Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:

Thanh toán trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm được phê duyệt theo thẩm quyền, nếu có) được nghiệm thu và đơn giá trong hợp đồng.

4.1.3 Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:

Thanh toán trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm được phê duyệt theo thẩm quyền, nếu có) được nghiệm thu và đơn giá đã điều chỉnh do trượt giá theo đúng các thoả thuận trong của hợp đồng.

4.1.4 Đối với hợp đồng theo thời gian:

- Chi phí cho chuyên gia được xác định trên cơ sở mức lương cho chuyên gia và các chi phí liên quan do các bên thoả thuận trong hợp đồng nhân với thời gian làm việc thực tế được nghiệm thu (theo tháng, tuần, ngày, giờ).

- Các khoản chi phí ngoài mức thù lao cho chuyên gia thì thanh toán theo phương thức quy định trong hợp đồng.

4.1.5 Đối với hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm (%):

Thanh toán theo tỷ lệ (%) của giá hợp đồng. Tỷ lệ (%) cho các lần thanh toán do các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Khi bên nhận thầu hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo hợp đồng, bên giao thầu thanh toán cho bên nhận thầu số tiền bằng tỷ lệ (%) giá trị công trình hoặc giá trị khối lượng công việc đã hoàn thành được quy định trong hợp đồng.

4.1.6 Đối với hợp đồng kết hợp các loại giá hợp đồng:

Việc thanh toán được thực hiện tương ứng với các loại hợp đồng theo quy định tại các điểm 4.1.1, 4.1.2, 4.1.3, 4.1.4, 4.1.5 mục 4.1 khoản 4 Điều 12.

4.1.7 Đối với khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng:

Việc thanh toán các khối lượng phát sinh (ngoài hợp đồng) chưa có đơn giá trong hợp đồng, thực hiện theo các thỏa thuận bổ sung hợp đồng mà các bên đã thống nhất trước khi thực hiện và phải phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp bổ sung công việc phát sinh thì chủ đầu tư và nhà thầu phải ký phụ lục bổ sung hợp đồng theo nguyên tắc sau đây:

- * Trường hợp khối lượng công việc phát sinh lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng hoặc khối lượng phát sinh chưa có đơn giá trong hợp đồng thì được thanh toán trên cơ sở các bên thống nhất xác định đơn giá mới theo nguyên tắc thỏa thuận trong hợp đồng về đơn giá cho khối lượng phát sinh;

- * Trường hợp khối lượng phát sinh nhỏ hơn hoặc bằng 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng thì áp dụng đơn giá trong hợp đồng, kể cả đơn giá đã được điều chỉnh theo thỏa thuận của hợp đồng (nếu có) để thanh toán;

- * Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định và hợp đồng theo thời gian thì khi giá nhiên liệu, vật tư, thiết bị do Nhà nước áp dụng biện pháp bình ổn giá theo quy định của Pháp lệnh giá có biến động bất thường hoặc khi nhà nước thay đổi chính sách về thuế, tiền lương ảnh hưởng trực tiếp đến giá hợp đồng thì được thanh toán trên cơ sở điều chỉnh đơn giá nếu được phép của cấp quyết định đầu tư và các bên có thỏa thuận trong hợp đồng;

- * Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, thì đơn giá trong hợp đồng được điều chỉnh cho những khối lượng công việc mà tại thời điểm ký hợp đồng, bên giao thầu và bên nhận thầu cam kết sẽ điều chỉnh lại đơn giá do trượt giá sau một khoảng thời gian nhất định kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- * Đối với hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo tỷ lệ (%): trường hợp có phát sinh hợp lý những công việc ngoài phạm vi hợp đồng đã ký (đối với hợp đồng thi công xây dựng là khối lượng nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo thiết kế; đối với hợp đồng tư vấn là khối lượng nằm ngoài nhiệm vụ tư vấn phải thực hiện). Trường hợp này, khi điều chỉnh khối lượng mà không làm thay đổi mục tiêu đầu tư hoặc không vượt tổng mức đầu tư được phê duyệt thì chủ đầu tư và nhà thầu tính toán, thỏa thuận và ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng; trường hợp làm vượt tổng mức đầu tư được phê duyệt thì phải được Người có thẩm quyền quyết định đầu tư

xem xét, quyết định; trường hợp thỏa thuận không được thì khối lượng các công việc phát sinh đó sẽ hình thành gói thầu mới, việc lựa chọn nhà thầu để thực hiện gói thầu này theo quy định hiện hành;

4.1.8. Hồ sơ thanh toán:

Khi có khối lượng hoàn thành được nghiệm thu theo giai đoạn thanh toán và điều kiện thanh toán trong hợp đồng, chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi Quỹ phát triển đất, bao gồm:

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu (**Mẫu số 06/QPTĐ**).

Khi có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng, chủ đầu tư gửi Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng đã ký kết đề nghị thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu (**Mẫu số 07/QPTĐ**).

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư hoặc thanh toán tạm ứng (**Mẫu số 08/QPTĐ**)

- Chứng từ chuyển tiền ban hành theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính.

4.2 Đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng xây dựng

- Đối với các công việc của dự án được thực hiện không thông qua hợp đồng xây dựng (như một số công việc quản lý dự án do chủ đầu tư trực tiếp thực hiện, trường hợp tự làm,...), việc thanh toán trên cơ sở bảng kê khối lượng công việc hoàn thành và dự toán được duyệt phù hợp với tính chất từng loại công việc. Hồ sơ thanh toán bao gồm: bảng kê khối lượng công việc hoàn thành và dự toán được duyệt cho từng công việc; giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư hoặc tạm ứng (nếu có) và chứng từ chuyển tiền.

- Đối với chi phí bồi thường hỗ trợ và tái định cư, hồ sơ thanh toán bao gồm: bảng kê xác nhận khối lượng bồi thường giải phóng mặt bằng đã thực hiện (**Mẫu số 09/QPTĐ**); hợp đồng và biên bản bàn giao nhà (trường hợp mua nhà phục vụ di dân giải phóng mặt bằng). Riêng chi phí cho công tác tổ chức bồi thường giải phóng mặt bằng phải có dự toán được duyệt; giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư hoặc tạm ứng (nếu có) và chứng từ chuyển tiền.

Đối với công tác hỗ trợ và tái định cư phải xây dựng các công trình (bao gồm cả xây dựng nhà di dân giải phóng mặt bằng): việc tạm ứng, thanh toán được thực hiện như đối với các dự án hoặc gói thầu xây dựng công trình.

Điều 13. Nguyên tắc kiểm soát giải ngân ứng vốn của Quỹ phát triển đất

1. Trên cơ sở hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ đầu tư, Quỹ phát triển đất căn cứ vào các điều khoản thanh toán được quy định trong hợp đồng (số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán và các điều kiện thanh toán) và giá trị từng lần thanh toán để thanh toán cho chủ đầu tư. Chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng thực hiện, định mức, đơn giá, dự toán các loại công việc, chất lượng công trình; Quỹ phát triển đất không

chịu trách nhiệm về các vấn đề này. Quỹ phát triển đất căn cứ vào hồ sơ thanh toán và thực hiện thanh toán theo hợp đồng.

2. Quỹ phát triển đất thực hiện kiểm soát thanh toán theo nguyên tắc “thanh toán trước, kiểm soát sau” cho từng lần thanh toán và “kiểm soát trước, thanh toán sau” đối với lần thanh toán cuối cùng của hợp đồng. Căn cứ vào nguyên tắc này, Quỹ phát triển đất sẽ hướng dẫn cụ thể phương thức kiểm soát giải ngân vốn ứng đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư, nhà thầu và đúng quy định của Nhà nước (có hướng dẫn cụ thể do Quỹ phát triển đất ban hành).

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc đối với trường hợp “kiểm soát trước, thanh toán sau” và trong 03 ngày làm việc đối với trường hợp “thanh toán trước, kiểm soát sau” kể từ khi nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo quy định của Quy chế này và pháp luật có liên quan; căn cứ vào hợp đồng (hoặc dự toán được duyệt đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng) và số tiền chủ đầu tư đề nghị thanh toán, Quỹ phát triển đất kiểm soát, giải ngân ứng vốn cho dự án và thu hồi vốn tạm ứng theo quy định.

4. Kế hoạch vốn năm của dự án chỉ thanh toán cho khối lượng hoàn thành được nghiệm thu đến ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch; thời hạn thanh toán khối lượng hoàn thành đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau (trong đó có thanh toán để thu hồi vốn đã tạm ứng), trừ các dự án được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán.

5. Số vốn thanh toán cho từng công việc, hạng mục công trình, công trình không được vượt dự toán được duyệt hoặc giá gói thầu; tổng số vốn thanh toán cho dự án không được vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt. Số vốn thanh toán cho dự án trong năm (bao gồm cả thanh toán tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) không được vượt kế hoạch vốn cả năm đã bố trí cho dự án.

Điều 14. Thu phí ứng vốn và thu hồi vốn đã ứng

1. Mức phí ứng vốn

Khi ứng vốn cho các Tổ chức phát triển quỹ đất ở tỉnh, các huyện, thành phố và các tổ chức khác được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư dự án tạo quỹ đất để sử dụng phục vụ cho các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 11 của Điều lệ Quỹ, Quỹ phát triển đất được thu phí ứng vốn theo quy định sau:

1.1 Đối với vốn ứng để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, mức phí ứng vốn bằng không (= 0).

1.2 Đối với các khoản ứng vốn chi hỗ trợ, mức phí ứng vốn bằng không (= 0).

1.3. Đối với vốn ứng để thực hiện các nhiệm vụ khác, mức phí ứng vốn được xác định bằng mức phí ứng vốn ngân sách Nhà nước (do Bộ tài chính quy định).

2. Thu phí ứng vốn

Mức phí ứng vốn, thời hạn thanh toán, phương thức thanh toán phí ứng vốn (nếu có) được ghi trong hợp đồng ứng vốn. Tổ chức ứng vốn có trách nhiệm thanh toán phí ứng vốn theo đúng cam kết trong hợp đồng.

Phí ứng vốn là khoản thu để bổ sung kinh phí bù đắp chi phí phát sinh phục vụ hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ, và thực hiện quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

3. Thu hồi vốn ứng:

Quỹ phát triển đất chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc thu hồi vốn ứng; tổ chức, cơ quan ứng vốn có trách nhiệm hoàn trả đầy đủ, đúng hạn vốn đã ứng cho Quỹ phát triển đất theo đúng quy định tại điều 13 và điều 14 của Điều lệ Quỹ.

CHƯƠNG IV

QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ CHI HỖ TRỢ

Điều 15. Xác định đối tượng chi hỗ trợ

Đối tượng được chi hỗ trợ đúng theo quy định QĐ 40 và Điều lệ Quỹ do Sở tài chính chủ trì, phối hợp với Sở TN&MT, Sở KH&ĐT, Quỹ phát triển đất tỉnh và các cơ quan có liên quan xác định và lập hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét phê duyệt. Căn cứ hồ sơ, Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chi hỗ trợ, Giám đốc Quỹ tổ chức giải ngân ứng vốn cho NSNN để chi hỗ trợ đúng đối tượng và thu hồi tiền chi hỗ trợ theo đúng phương án hoàn trả các khoản chi hỗ trợ nêu trong hồ sơ.

Điều 16. Hồ sơ chi hỗ trợ

Tổ chức được nhận tiền chi hỗ trợ phải chuyển cho Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ các hồ sơ, tài liệu sau:

- a/ Văn bản đề nghị và dự toán chi hỗ trợ;
- b/ Phương án bồi thường GPMB, hỗ trợ và tái định cư hoặc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (ở tỉnh là UBND tỉnh, ở huyện, thành phố là UBND huyện, thành phố).
- c/ Phương án, đề án đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp cho các đối tượng bị Nhà nước thu hồi đất (nếu có)
- d/ Quyết định phê duyệt đầu tư xây dựng khu tái định cư
- e/ Quyết định phê duyệt đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng tại địa phương có đất bị thu hồi (đối với trường hợp không nằm trong Phương án bồi thường GPMB); Quyết định phê duyệt hỗ trợ khoản chênh lệch cho hộ gia đình, cá nhân vào khu tái định cư (nếu có).
- f) Biên bản họp thẩm định hồ sơ chi hỗ trợ của liên ngành do Sở Tài chính chủ trì và công văn đề nghị chi hỗ trợ của Sở Tài chính.
- g) Quyết định của Chủ tịch UBND Tỉnh ứng vốn cho NSNN từ Quỹ phát triển đất để chi hỗ trợ.
- f) Phương án hoàn trả vốn đã ứng cho NSNN chi trả tiền hỗ trợ cho các đối tượng được thụ hưởng. 

Điều 17. Thu hồi vốn chi hỗ trợ

Tổ chức được giao nhiệm vụ chi hỗ trợ cho những nhiệm vụ quy định tại các mục 1.4, 1.5, 1.6 khoản 1, Điều 4 Quy chế này có trách nhiệm hoàn trả từ các nguồn sau:

a/ Trường hợp các khoản chi hỗ trợ đã nằm trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì nguồn vốn để hoàn trả thực hiện theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Điều lệ Quỹ.

b/ Trường hợp các khoản chi hỗ trợ không nằm trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì do ngân sách địa phương chi trả; trường hợp ngân sách địa phương chưa bố trí để thực hiện chi trả thì Quỹ có trách nhiệm chi trả theo quyết định của UBND tỉnh và được ngân sách địa phương bố trí hoàn trả. Giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ chủ động làm việc với Sở Tài chính để thống nhất phương án tham mưu báo cáo UBND tỉnh xem xét bố trí từ ngân sách địa phương để hoàn trả theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, QUYẾT TOÁN, KIỂM TRA

Điều 18. Chế độ báo cáo

1. Đối với các Tổ chức ứng vốn:

Thực hiện chế độ báo cáo với tư cách là chủ đầu tư các dự án theo quy định tại Quyết định số 52/2007/QĐ-TTg ngày 16/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ về Chế độ báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư nhà nước, Thông tư số 05/2007/TT-BKH ngày 9/8/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các biểu mẫu báo cáo và hướng dẫn thực hiện Quyết định số 52/2007/QĐ-TTg ngày 16/4/2007.

2. Đối với Quỹ phát triển đất:

Ngoài việc thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính, Bộ TN&MT chậm nhất ngày 10 của tháng đầu Quý sau; Giám đốc Quỹ báo cáo tình hình sử dụng nguồn vốn quỹ phát triển đất lũy kế đến thời điểm báo cáo gửi UBND tỉnh, HĐQT Quỹ, Sở Tài chính, Sở KH&ĐT, Sở TN&MT theo biểu mẫu BM10/QPTĐ.

- Đối với các công trình, dự án có thời gian ứng vốn và hoàn trả vốn ứng lớn hơn 1 năm thì đến thời điểm 31/12 hàng năm Quỹ phát triển đất thực hiện lập Bảng đối chiếu số liệu ứng vốn từ quỹ phát triển đất để thực hiện vốn đầu tư dự án theo mẫu M11/QPTĐ

Điều 19. Quyết toán vốn đầu tư

Việc quyết toán vốn đầu tư hàng năm và quyết toán vốn đầu tư khi dự án hoàn thành thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về chế độ quyết toán vốn đầu tư.

Trường hợp quyết toán đã được duyệt, nếu số vốn được quyết toán thấp hơn số vốn đã thanh toán cho dự án, chủ đầu tư có trách nhiệm thu hồi lại của nhà thầu để hoàn trả cho Quỹ phát triển đất số vốn thanh toán thừa; nếu số vốn được quyết

toán cao hơn số vốn đã thanh toán, chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán tiếp hoặc bố trí vốn vào kế hoạch năm sau để thanh toán cho nhà thầu.

Điều 20. Kiểm tra sử dụng vốn ứng

- Tổ chức ứng vốn có trách nhiệm quản lý chặt chẽ việc sử dụng vốn đúng đối tượng, đúng mục đích, công khai, minh bạch, có hiệu quả, thu hồi và hoàn trả cho Quỹ phát triển đất toàn bộ số vốn đã ứng và phí ứng vốn (nếu có) theo đúng thời gian và phương thức hoàn trả đã thỏa thuận trong hợp đồng ứng vốn.

- Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc sử dụng vốn để đảm bảo đồng vốn đã ứng được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng và có hiệu quả. Kết quả kiểm tra nếu phát hiện Tổ chức ứng vốn sử dụng vốn không đúng mục đích thì bị xử lý thu hồi vốn trước hạn và xử lý theo pháp luật.

CHƯƠNG VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm hướng dẫn tổ chức thực hiện Quy chế này. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện của Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ theo Quy chế này và các quy định khác có liên quan.

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Giám đốc Quỹ tổng hợp các kiến nghị, đề xuất phát sinh trình HĐQT Quỹ xem xét, cho ý kiến chấp thuận bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế và theo đúng quy định của Pháp luật.

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế này đã được HĐQT Quỹ thông qua, Chủ tịch HĐQT Quỹ ký ban hành và có hiệu lực thực hiện kể từ ngày ký. 

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ
CHỦ TỊCH**



**PCT TTUBND TỈNH
Nguyễn Xuân Quang**

M01/OPTĐ

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-HĐQL

Đồng hới, ngày tháng năm 201

PHIẾU GIAO NHẬN HỒ SƠ
Ứng vốn của Quỹ phát triển đất

Tên dự án:.....

Chủ đầu tư:.....

TT	Loại hồ sơ, tài liệu	Số lượng	Bản chính hoặc bản sao
1			
2			

....., ngày tháng năm 200....

Người giao
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người nhận
(Ký, ghi rõ họ tên)

II. Phần giao nhận trong nội bộ Quỹ phát triển đất

II.1. Giao cho cán bộ thẩm định

....., ngày tháng năm 200...

Người giao
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người nhận
(Ký, ghi rõ họ tên)

II.2. Giao cho Trưởng phòng nghiệp vụ/ Kế toán trưởng

....., ngày tháng năm 200...

Người giao
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người nhận
(Ký, ghi rõ họ tên)

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCTĐ-QPTĐ

Đồng hời, ngày tháng năm 201

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

(Kèm theo tờ trình quyết định cho ứng vốn, chi hỗ trợ)

Căn cứ bộ hồ sơ dự án:.....
Thuộc Chủ đầu tư:.....
Theo phiếu giao việc ngày:.....
Cán bộ thẩm định:.....
báo cáo các công việc đã thực hiện và kết quả thẩm định dự án như sau:

Phần I: Tóm tắt một số nội dung chính của dự án

I. Giới thiệu về dự án đầu tư

- Tên dự án:
- Chủ đầu tư:
- Loại hình dự án:
- Địa điểm đầu tư:
- Sản phẩm của dự án:
- Tổng mức vốn đầu tư:
Tổng số:....., trong đó: cơ cấu vốn (XL, TB, CP khác)
- Nguồn vốn đầu tư
Tổng số:....., trong đó:
 - Vốn ứng Quỹ phát triển đất:
 - Vốn vay NHTM:
 - Vốn ngân sách TW:
 - Vốn ngân sách địa phương
 - Vốn huy động khác:
 - Vốn tự có:

- Hình thức đầu tư:
- Quy mô/Công suất:
- Thời gian thực hiện hoàn thành dự án:

II. Tình hình thực hiện dự án:

- Các công việc đã hoàn thành
- Các công việc đang thực hiện

III. Chủ đầu tư đề nghị ứng vốn từ quỹ phát triển đất:

1. Số tiền đề nghị ứng vốn:
2. Thời gian ứng vốn:,
3. Thời gian và hình thức trả hoàn trả vốn ứng
4. Hình thức trả phí ứng vốn (nếu có)
5. Tài sản bảo đảm (nếu có)

Phần II: Kết quả thẩm định

A. Kết quả thẩm định hồ sơ pháp lý

I. Kết quả thẩm định hồ sơ dự án

1. Tính đầy đủ của hồ sơ theo quy định
2. Tính hợp pháp hợp lệ của hồ sơ
3. Tính nhất quán, chính xác trung thực của các tài liệu, số liệu báo cáo

II. Thẩm định tư cách chủ đầu tư và đại diện chủ đầu tư

1. Tính đầy đủ của hồ sơ chủ đầu tư theo quy định
2. Tính hợp pháp, hợp lệ về hồ sơ của chủ đầu tư
3. Tính nhất quán, chính xác trung thực của các tài liệu, số liệu báo cáo.

Nhận xét về nội dung các loại hồ sơ theo quy định của Quy chế, quy trình nghiệp vụ. Kết quả thẩm định hồ sơ phải ghi cụ thể rõ các loại văn bản giấy tờ, các loại văn bản giấy tờ chưa hợp lý. Trường hợp hồ sơ còn thiếu phải ghi cụ thể tên loại hồ sơ, tài liệu.....và biện pháp bổ sung khắc phục.

B- Kết quả thẩm định về các điều kiện ứng vốn:

I. Thẩm định các điều kiện ứng vốn theo quy định đối với dự án:

1 Sự phù hợp về đối tượng được ứng vốn Quỹ phát triển đất theo quy định của pháp luật.

2. Nhận xét về việc chấp hành đúng các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng trong quá trình lập và trình duyệt dự án.

3. Thẩm định phương án tài chính, phương án hoàn trả vốn ứng

3.1. Thẩm định nhận xét một số yếu tố ảnh hưởng đến tính khả thi của dự án

- Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ (của cả nước hoặc của vùng hoặc của lãnh thổ) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

- Đánh giá về khả năng đảm bảo đủ nguồn vốn để đầu tư dự án theo đúng tiến độ đầu tư:

+ Đánh giá về tính khả thi của các nguồn vốn tham gia đầu tư;

+ Đánh giá về khả năng đáp ứng của các nguồn vốn theo đúng tiến độ sử dụng vốn do chủ đầu tư đề xuất trong dự án; 

+ Đánh giá về khả năng đáp ứng các điều kiện tín dụng (bao gồm cả lãi suất vay) của dự án và chủ đầu tư đối với các nguồn vốn cho vay để thực hiện dự án.

- Sự phù hợp với chính sách hỗ trợ đầu tư (nếu có):
- Tính khả thi của phương án lựa chọn địa điểm, khả năng giải quyết các vấn đề có liên quan đến việc đền bù giải phóng mặt bằng,
- Tính khả thi về tiến độ thực hiện của dự án, cũng như tính khả thi về thời gian hoạt động của dự án theo đề xuất của chủ đầu tư

3.3. Các yếu tố khác ảnh hưởng đến dự án:

- Điều kiện về hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào: giao thông, điện, nước...;
- Điều kiện về khí hậu, môi trường;
- Các vấn đề về quy mô dự án, trình độ công nghệ...

3.4. Thẩm định hiệu quả của dự án:

3.5. Thẩm định phương án trả nợ của dự án

- Khả năng hoàn vốn của dự án:
- Khả năng cân đối thu - chi tài chính của dự án:
- Khả năng trả nợ của dự án:
- + Các nguồn trả nợ từ dự án;
- + Các nguồn trả nợ hợp pháp khác (nếu có);
- + Kế hoạch trả nợ.

Nhận xét, kiến nghị về phương án tài chính, phương án trả nợ vốn vay, các điều kiện tín dụng cụ thể (mức vốn vay tối đa, lãi suất, thời hạn vay vốn, thời hạn ân hạn, kỳ hạn trả nợ và các điều kiện khác..).

C. KẾT LUẬN

I. Kết luận thẩm định

1. Kết luận về việc bảo đảm các điều kiện vay vốn quy định đối với dự án
 - Dự án bảo đảm đủ các điều kiện vay vốn (trường hợp đầy đủ)
 - Các điều kiện vay vốn của dự án chưa đáp ứng được (ghi cụ thể từng điều kiện dự án chưa đáp ứng được)
2. Kết luận về việc bảo đảm các điều kiện vay vốn quy định đối với chủ đầu tư.
 - Chủ đầu tư bảo đảm đủ các điều kiện vay vốn, (trường hợp đầy đủ)
 - Các điều kiện vay vốn mà chủ đầu tư chưa bảo đảm theo quy định (ghi chi tiết cụ thể từng điều kiện chưa được bảo đảm).

2. Kiến nghị:

Căn cứ kết quả thẩm định các nội dung trên, Ủy phát triển đất tỉnh kiến nghị trong các trường hợp như sau:

2.1. Đề nghị chấp thuận cho ứng vốn (nếu đủ điều kiện);

2.2. Đề nghị..... (đơn vị chủ đầu tư) tiếp tục bổ sung hoàn thiện hồ sơ giấy tờ hoặc thuyết minh giải trình để làm rõ các vấn đề sau (nếu chưa đủ điều kiện): (Ghi rõ từng hồ sơ giấy tờ cần hoàn thiện, nội dung vấn đề cần thuyết minh làm rõ).

2.3. Đề nghị chủ đầu tư tìm các nguồn vốn khác để đầu tư dự án.

Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét phê duyệt....

Ngày..... tháng năm

Cán bộ thẩm định
(ký, ghi rõ họ tên)

Ngày..... tháng năm

Kế toán trưởng/TP Nghiệp vụ
(ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC



UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QPTĐ

Đồng hời, ngày tháng năm 201

TỜ TRÌNH

Về việc trích từ nguồn quỹ phát triển đất tỉnh để ứng vốn chothực hiện đầu tư Dự án xây dựng công trình:

Kính gửi: **Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình**

- Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất;

- Căn cứ Quyết định số 22/2012/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2012 của UBND tỉnh ban hành Điều lệ tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Bình;

- Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 201 của UBND ...về việc phê duyệt dự án nói trên và chủ trương đồng ý của đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh cho ứng vốn từ quỹ phát triển đất để thực hiện dự án

- Căn cứ Quyết định số /QĐ-CT ngày tháng ...năm 201.. của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng nguồn quỹ phát triển đất năm 201... để thực hiện dự án....

- Căn cứ báo cáo kết quả thẩm định số

Đề tạo điều kiện cho ..(chủ đầu tư) triển khai các bước thực hiện đầu tư dự án đảm bảo đúng tiến độ; nay Quỹ phát triển đất tỉnh kính đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét ban hành quyết định ứng vốn như sau:

1. Trích từ nguồn vốn quỹ phát triển đất số tiền đồng (*Bằng chữ:.....*) để ứng vốn cho thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình xây dựng Số tiền này được sử dụng như sau:

1.1 Thanh toán tiền bồi thường + GPMB : triệu đồng;

1.2 Thanh toán chi phí xây lắp và chi phí khác:triệu đồng.

2. Giám đốc Quỹ phát triển đất tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các thủ tục giải ngân ứng vốn cho(chủ đầu tư) theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước; Đồng thời chịu trách nhiệm kiểm soát chi, theo dõi, đôn đốc sử dụng vốn đúng mục đích và thu hồi vốn đã ứng tại mục 1 để hoàn trả lại nguồn vốn cho quỹ phát triển đất đầy đủ, đúng thời hạn.

3.(Chủ đầu tư) chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả và thực hiện hoàn thành việc hoàn trả vốn đã ứng tại mục 1 từ tiền đầu giá quyền sử dụng đất thuộc dự án này (mốc thời gian hoàn trả); Thực hiện thanh toán phí ứng vốn cho Quỹ phát triển đất tỉnh với mức 0,15%/ tháng đối với số vốn ứng tại mục 1.2 của quyết định này.

Kính đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCTT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
-(chủ đầu tư);
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG ỨNG VỐN
QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT**

Số:/200.../HĐQPTĐ

Tên dự án (ghi đúng tên dự án theo Quyết định hoặc Báo cáo NCKT)

- Căn cứ các quy định pháp luật về hợp đồng;
- Căn cứ Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất;
- Căn cứ Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 5 tháng 9 năm 2011 của UBND Tỉnh về việc thành lập Quỹ phát triển đất tỉnh; Quyết định số 22/2012/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2012 của UBND Tỉnh về việc ban hành Điều lệ tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Bình;
- Căn cứ Quyết định số/QĐ-HĐQL ngày tháng năm 2012 của Hội đồng quản lý Quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Bình về việc ban hành Quy định về Quy chế hoạt động và Quy trình ứng vốn, chi hỗ trợ thuộc nguồn vốn Quỹ phát triển đất tỉnh;
- Căn cứ Hồ sơ ứng vốn của và Quyết định số ngày của về việc cho ứng vốn từ quỹ phát triển đất.

Hôm nay, ngày tháng năm 200....., tại, chúng tôi gồm có:

1. Bên A: QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT TỈNH QUẢNG BÌNH

- Địa chỉ: Số 06 – Hùng Vương – TP. Đồng Hới – Tỉnh Quảng Bình
- Điện thoại: 0523.715123 Fax: 0523.856859
- Do Ông:



- Chức vụ:
- Tài khoản VNĐ: 3800201006708 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Quảng Bình.

2. Bên B: (TÊN ĐƠN VỊ ỨNG VỐN)

- Giấy phép thành lập (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số
- Địa chỉ:
- Điện thoại:Fax.....
- Do Ông (Bà):
- Chức vụ: làm đại diện theo giấy uỷ quyền
.....số.....ngày.....của.....(nếu có)
- Tài khoản VNĐ: tại

Hai bên thoả thuận ký kết Hợp đồng này với các điều khoản sau:

Điều 1: Số tiền, đồng tiền ứng vốn và trả nợ

Thực hiện theo Quyết định số /QĐ-CT ngày tháng năm 201.. của Chủ tịch UBND tỉnh, Bên A chấp hành ứng vốn cho Bên B số tiền tối đa là:
.....

Bằng chữ :

Việc giải ngân ứng vốn một lần hoặc nhiều lần được thực hiện theo quy định giải ngân thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và tiến độ thực hiện của dự án.

Đồng tiền ứng vốn và trả nợ: Bằng Việt Nam Đồng (VND)

Điều 2: Mục đích sử dụng tiền ứng vốn

Tiền ứng vốn được sử dụng để đầu tư các hạng mục của dự án
.....(ghi cụ thể tên dự án như trong quyết định ứng vốn của Chủ tịch UBND tỉnh).

Điều 3: Thời hạn ứng vốn và trả nợ

Thời hạn ứng vốn là.....tháng kể từ ngày Bên B nhận được khoản giải ngân đầu tiên theo (Phù hợp với tiến độ hoàn thành dự án và Cam kết phương án hoàn trả vốn ứng và Quyết định của UBND tỉnh)

Điều 4: Phí ứng vốn:

1. Mức phí ứng vốn: Mức phí ứng vốn bằng phí ứng vốn của Ngân sách Nhà nước. Tại thời điểm ký hợp đồng này, mức phí ứng vốn là 0,15%/ Tháng tính trên



số dư vốn ứng (Theo quy định tại điểm 5 Mục II Thông tư số 49/2005/TT-BTC ngày 09/6/2005 của Bộ Tài chính)

2. Đối tượng và cách tính phí ứng vốn:

a/ Đối tượng:

a1. Đối với vốn ứng để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, mức phí ứng vốn bằng không (= 0).

a2. Đối với các khoản ứng vốn chi hỗ trợ, mức phí ứng vốn bằng không (= 0).

a3. Đối với vốn ứng để thực hiện các nhiệm vụ khác, mức phí ứng vốn được xác định bằng mức phí ứng vốn ngân sách nhà nước.

b/ Cách tính:

Phí ứng vốn được tính trên số dư nợ của số tiền ứng vốn tại mục a.3 khoản 2, Điều 4 của Hợp đồng này nhân (x) với số ngày ứng vốn thực tế nhân (x) với mức phí ứng vốn chia (:) cho 30 (ngày).

Điều 5: Giải ngân vốn ứng

1. Điều kiện giải ngân vốn ứng:

Bên B đã tổ chức thực hiện dự án theo đúng quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, đã cung cấp cho Bên A đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc giải ngân theo quy định hiện hành.

2. Thời hạn giải ngân ứng vốn:

Bên B được giải ngân vốn ứng một lần hoặc nhiều lần nhưng thời hạn tối đa là không vượt quá thời hạn ghi trên quyết định ứng vốn của Chủ tịch UBND Tỉnh.

Điều 6: Hoàn trả vốn ứng

1. Bên B cam kết hoàn trả vốn ứng trước thời điểm....và ngay khi có nguồn thu đầu tư tiền việc bán đấu giá quyền sử dụng đất từ dự án đầu tư.

2. Trường hợp đến hạn hoàn trả vốn ứng theo khoản 1, Điều này mà Bên B không trả hoặc trả không đủ số nợ đến hạn mà không được Chủ tịch UBND tỉnh cho gia hạn thì Bên A tạm ngừng việc giải ngân vốn ứng và thực hiện các chế tài theo quy định của pháp luật và theo cam kết của Chủ đầu tư để áp dụng các biện pháp thu hồi vốn đã ứng nhằm bảo toàn nguồn vốn quỹ phát triển đất.

3. Trả nợ trước hạn: Bên B được trả vốn ứng trước hạn.

Điều 7: Trả phí ứng vốn



1. Phí ứng vốn được tính từ ngày Bên B nhận được khoản giải ngân đầu tiên thuộc đối tượng ứng vốn cho đến ngày hoàn trả hết vốn ứng của đối tượng bị tính phí ứng vốn theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.

2. Kỳ hạn trả phí: Trả phí hàng tháng vào ngày cuối tháng và chậm nhất không quá ngày mùng 5 tháng của tháng sau.

3. Phương thức trả phí: đến hạn trả phí, Bên B chủ động trả đầy đủ phí ứng vốn cho Bên A. Nếu đến hạn mà Bên B không trả, trả không đầy đủ mà không được Bên A gia hạn thì Bên A tạm ngừng việc giải ngân vốn ứng và số phí chậm trả phải chịu lãi suất nợ quá hạn theo quy định của NHNN Việt Nam.

Điều 8: Thứ tự ưu tiên trong thanh toán hoàn trả vốn ứng và phí ứng vốn

Bên B hoàn trả ứng vốn và phí ứng vốn cho Bên A theo thứ tự: Phí ứng vốn, vốn ứng. Trường hợp cần thiết, Bên A sẽ quyết định thay đổi thứ tự thanh toán nợ này.

Điều 9: Quyền và nghĩa vụ của Bên B

** Quyền của Bên B:*

1. Được giải ngân vốn ứng theo quy định tại Hợp đồng này.

2. Yêu cầu Bên A bồi thường thiệt hại phát sinh do Bên A vi phạm Hợp đồng này.

** Nghĩa vụ của Bên B:*

1. Sử dụng vốn ứng đúng mục đích, có hiệu quả. Chấp hành đúng các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng, về quản lý và sử dụng quỹ phát triển đất của Nhà nước.

2. Hoàn trả vốn ứng và phí ứng vốn đầy đủ, đúng hạn theo kế hoạch (lịch) trả nợ nêu tại Điều 6, Điều 7 và được trả nợ trước hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Hợp đồng này.

3. Gửi các tài liệu theo yêu cầu của Bên A và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, hợp pháp của hồ sơ, tài liệu đã cung cấp; Tạo điều kiện để Bên A kiểm tra tình hình sử dụng vốn ứng và tiến độ thực hiện dự án.

Trong trường hợp không hoàn trả được vốn ứng, Bên B phải chấp hành các nghĩa vụ theo những quy định tại những điều khoản của Hợp đồng này.

4. Bên B phải thông báo kịp thời với Bên A về:

- Thay đổi các thông tin về dự án như: Tổng mức đầu tư, Tiến độ thực hiện, phương án tái chính ... có ảnh hưởng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ hoàn trả nợ vốn ứng cho Bên A;

- Thay đổi Giám đốc, Kế toán trưởng của bên B;
- Các tranh chấp với các đối tượng khác, có nguy cơ bị khởi tố, khởi kiện;
- Thay đổi tên, trụ sở chính, địa chỉ liên lạc.

5. Bồi thường thiệt hại nếu vi phạm hợp đồng này gây thiệt hại cho Bên A.

** Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.*

Điều 10: Quyền và nghĩa vụ của Bên A

** Quyền của Bên A:*

1. Được áp dụng các biện pháp cần thiết để thu hồi vốn ứng và phí ứng vốn theo quy định của pháp luật khi đến hạn trả nợ mà Bên B không trả hoặc trả không đầy đủ theo Hợp đồng này.

2. Kiểm tra việc sử dụng vốn ứng, tham gia nghiệm thu các công trình dự án trong và sau khi giải ngân ứng vốn cho đến khi kết thúc Hợp đồng này.

3. Yêu cầu Bên B cung cấp toàn bộ các chứng từ chứng minh liên quan đến việc sử dụng vốn ứng.

4. Báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh định chi giải ngân vốn ứng và thu hồi vốn ứng trước hạn trong các trường hợp sau:

- Bên B sử dụng vốn ứng không đúng mục đích.
- Bên B cung cấp thông tin không trung thực, không đầy đủ về việc sử dụng vốn ứng và tính hiệu quả của dự án.
- Tình hình thực hiện dự án của Bên B có dấu hiệu đe dọa nghiêm trọng đến khả năng hoàn trả vốn ứng cho Bên A.
- Bên B không trả được bất kỳ một khoản nợ nào đến hạn theo Hợp đồng này mà không được gia hạn hoặc hết thời hạn ân hạn.

5. Yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại do Bên B vi phạm Hợp đồng này.

** Nghĩa vụ của Bên A:*

1. Có trách nhiệm giải ngân vốn ứng phù hợp với tiến độ của dự án ghi trong Quyết định đầu tư, lịch rút giải ngân của Bên B đã được Bên A chấp thuận và theo quy định của pháp luật.

2. Bồi thường thiệt hại cho Bên B do việc Bên A vi phạm Hợp đồng này.

** Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.*

Điều 11: Vi phạm hợp đồng và xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp

1. Vi phạm và xử lý vi phạm: Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu một Bên phát hiện Bên kia vi phạm Hợp đồng thì thông báo bằng văn bản cho Bên vi phạm biết và yêu cầu khắc phục các vi phạm đó. Hết thời hạn ghi trong thông báo mà Bên vi phạm không khắc phục hoặc khắc phục không được thì tùy mức độ



vi phạm, Bên bị vi phạm được thực hiện các biện pháp phù hợp với thoả thuận giữa hai bên và quy định của pháp luật.

2. Giải quyết tranh chấp: Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp thì các bên giải quyết bằng thương lượng trên cơ sở bình đẳng, thiện chí. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp mà hai bên không tiến hành thương lượng hoặc thương lượng không thành thì tranh chấp được giải quyết bằng trọng tài hoặc toà án.

Điều 12: Thông báo

Mọi giao dịch giữa hai bên phải được lập thành văn bản, có chữ ký của người có thẩm quyền và được gửi theo địa chỉ nêu trong hợp đồng này (trừ trường hợp đã có thông báo bằng văn bản về việc thay đổi địa chỉ). Nếu được chuyển qua bưu điện thì ngày gửi được xác định là ngày ghi trên dấu xác nhận của bưu điện cơ sở nơi chuyển. Bên nhận coi như đã nhận được nếu được chuyển tới địa chỉ nơi nhận trong thời gian từ 7h30 đến 16h30 trong những ngày làm việc. Nếu chuyển trực tiếp thì coi như bên nhận đã nhận được khi có ký nhận của bên gửi với bộ phận văn thư của bên nhận.

Điều 14: Hiệu lực của Hợp đồng

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và kết thúc khi bên B hoàn trả hết vốn ứng và phí ứng vốn phát sinh từ Hợp đồng này.

2. Các văn bản, tài liệu liên quan đến Hợp đồng này là bộ phận kèm theo và có giá trị pháp lý theo Hợp đồng này.

3. Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng: Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Hợp đồng này phải được cả hai bên thoả thuận bằng văn bản do đại diện có thẩm quyền của hai bên ký; những sửa đổi, bổ sung đó có hiệu lực thay thế, bổ sung điều khoản tương ứng trong Hợp đồng.

4. Sau khi Bên B hoàn trả hết vốn ứng và phí ứng vốn, Bên A và Bên B tiến hành thủ tục thanh lý Hợp đồng này theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Hợp đồng này được lập thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau: Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG HỢP ĐỒNG ỨNG VỐN
QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT

Dự án:.....

- Căn cứ quyết định đầu tư dự án số.....ngày.....tháng.....năm.....
- Căn cứ Hồ sơ ứng vốn củavà Quyết định sốngày củavề việc cho ứng vốn từ quỹ phát triển đất.
- Căn cứ hợp đồng ứng vốn quỹ phát triển đất sốngày tháng.....năm..... ký giữa Quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Bình và ...; Căn cứ tình hình thực hiện hợp đồng và thực tế và trả nợ của.....

Hôm nay, ngày.....tháng.....nămchúng tôi gồm có:

1. Đại diện Quỹ phát triển đất tỉnh:

- Đ/c..... Chức vụ
- Đ/c.....Chức vụ
- Đ/c.....Chức vụ.....

2. Đại diện Đơn vị ứng vốn:

- Đ/c.....Chức vụ.....
- Đ/c.....Chức vụ.....
- Đ/c.....Chức vụ.....

Đã tiến hành biên bản thanh lý hợp đồng ứng vốn Quỹ phát triển đất như sau:

- Tổng số tiền ứng vốn theo Hợp đồng đã ký là:.....đồng
- Thực tế đã ứng:đồng
- Phí ứng vốn :
- Tổng số tiền phí ứng vốn phải trả từ.....đến.....làđồng
- Đến ngày.....thực tế Đơn vị đã trả:đồng
- + Tiền vốn ứng là:đồng



+ Tiền phí ứng vốn là:.....đồng (có phiếu đối chiếu kèm theo)

.....(ghi tên đơn vị vay vốn) đã thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản ghi trong Hợp đồng ứng vốn số.....năm....., và trả nợ đầy đủ cả vốn ứng và phí ứng vốn cho Quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Bình.

Hai bên cùng thống nhất thanh lý hợp đồng ứng vốn quỹ phát triển đất số.....năm.....,

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ỨNG VỐN

Giám đốc

(Họ tên, ký, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT

Giám đốc

(Họ tên, ký, đóng dấu) 

Tên đơn vị chủ quản:
Tên tổ chức ứng vốn:

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

M05/QPT

ĐĂNG KÝ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH GIẢI NGÂN

Đvt: 1.000 đồng

Stt	Tên Dự án/Hạng mục, công việc	Tổng vốn đầu tư	Nguồn vốn đã được bố trí	Trong đó		Lũy kế số vốn đã giải ngân	Trong đó		Đăng ký kế hoạch giải ngân tháng này	Trong đó	
				nguồn quỹ phát triển đất	Nguồn khác		Tạm ứng	Thanh toán		Tạm ứng	Thanh toán
1	Tên dự án ...										
-	Hạng mục, công việc										

Lập biểu

Phụ trách bộ phận

Thủ trưởng đơn vị



BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH THEO HỢP ĐỒNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Tên dự án: Mã dự án:

Tên gói thầu:

Hợp đồng số: ngày tháng năm

Bên giao thầu:

Bên nhận thầu:

Thanh toán lần thứ:

Căn cứ xác định:

Biên bản nghiệm thu số ngày.....tháng.....năm.....

Số TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Đơn giá thanh toán	Thành tiền			Ghi chú
			Theo hợp đồng	Thực hiện			Theo hợp đồng	Thực hiện		
				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này			Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng số:									

- Giá trị hợp đồng:
 - Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:
 - Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:
 - Luỹ kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:
 - Chiết khấu tiền tạm ứng:
 - Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này:
 - + Thanh toán tạm ứng:
 - + Thanh toán khối lượng hoàn thành:
- Số tiền bằng chữ:.....(là số tiền đề nghị thanh toán kỳ này).
- Luỹ kế giá trị thanh toán:

Đại diện nhà thầu

Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu,

Đại diện tư vấn giám sát (nếu có)

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Ngày..... tháng..... năm 20...

Đại diện chủ đầu tư

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu) 

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC PHÁT SINH NGOÀI HỢP ĐỒNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Tên dự án:

Mã dự án:

Tên gói thầu:

Hợp đồng số ngày tháng năm

Bên giao thầu:

Bên nhận thầu:

Thanh toán lần thứ:

Căn cứ xác định:

Biên bản nghiệm thu số ngày.....tháng.....năm

Số TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng			Đơn giá thanh toán	Thành tiền		Ghi chú
			Tổng khối lượng phát sinh	Thực hiện			Luỹ kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	
				Luỹ kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Tổng số:								

- Tổng giá trị khối lượng phát sinh:
 - Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:
 - Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:
 - Luỹ kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:
 - Chiết khấu tiền tạm ứng:
 - Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này:
 - + Thanh toán tạm ứng:
 - + Thanh toán khối lượng hoàn thành:
- Số tiền bằng chữ:.....(là số tiền đề nghị thanh toán kỳ này)
- Luỹ kế giá trị thanh toán:

Đại diện nhà thầu

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Đại diện tư vấn giám sát (nếu có)

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Ngày..... tháng..... năm 20...

Đại diện chủ đầu tư

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Chủ đầu tư:.....
Số:...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

Kính gửi: Quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Bình

Tên dự án, công trình:..... Mã dự án đầu tư:.....

Chủ đầu tư/Ban QLDA.....mã số ĐVSDNS:.....

Số tài khoản của chủ đầu tư: - Vốn trong nước.....tại :.....
 - Vốn ngoài nước.....tại.....

Căn cứ hợp đồng số:.....ngày.... tháng.... năm.....

Căn cứ bảng xác định giá trị KLHT đề nghị thanh toán số.....ngày.....tháng.....năm.....

Luỹ kế giá trị khối lượng nghiệm thu của hạng mục đề nghị thanh toán:.....đồng.

Số dư tạm ứng của hạng mục đề nghị thanh toán.....đồng.

Số tiền đề nghị:đồng

Thuộc nguồn vốn: Quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Bình

Thuộc kế hoạch vốn: Năm...

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt hoặc giá trị trúng thầu hoặc giá trị hợp đồng	Luỹ kế số vốn đã thanh toán từ khởi công đến cuối kỳ trước (gồm cả tạm ứng)		Số đề nghị tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành kỳ này (gồm cả thu hồi tạm ứng)	
		Số tạm ứng	Số thanh toán	Số tạm ứng	Số thanh toán
Ghi tên công việc, hạng mục hoặc hợp đồng đề nghị thanh toán					
Cộng					

(Chữ ký)

Tổng số tiền đề nghị tạm ứng, thanh toán bằng số:.....

Bằng chữ:.....

Trong đó: - Thu hồi tạm ứng (bằng số):.....

- Thuế giá trị gia tăng

- Chuyển tiền bảo hành (bằng số)

- Số trả đơn vị thụ hưởng (bằng số).....

Tên đơn vị thụ hưởng.....

Số tài khoản đơn vị thụ hưởng.....tại

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày..... tháng..... năm.....

Chủ đầu tư

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

PHÂN GHI CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT

Ngày nhận giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư:.....

Quỹ phát triển đất chấp nhận thanh toán

Nội dung	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
		Tạm ứng	Thanh toán	
Số vốn chấp nhận				
- Mục, Tiểu mục.....				
- Mục, Tiểu mục.....				
- Mục, Tiểu mục.....				
- Mục, Tiểu mục.....				
Trong đó:				
- Số thu hồi tạm ứng				
Các năm trước				
Năm nay				
- Thuế GTGT				
-				

- Số trả nợ vị thụ hưởng				
Bằng chữ:				
Số từ chối:				
Lý do:				

Ghi chú:

.....

Cán bộ thanh toán

Kế toán trưởng

Giám đốc

nguy

**BẢNG KÊ XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG ĐỀN BÙ
GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG ĐÃ THỰC HIỆN**

STT	Nội dung	QĐ phê duyệt phương án đền bù GPMB		Số tiền Hội đồng đền bù GPMB đã chi trả cho đơn vị thụ hưởng theo phương án được duyệt	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Số tiền		
1	2	3	4	5	6
I	Thanh toán cho các cơ quan, tổ chức:				
	1.....				
	2.....				
II	Thanh toán trực tiếp cho hộ dân:				

Ngàytháng..... năm

Chủ đầu tư
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

**Đại diện chính quyền
địa phương**
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Hội đồng đền bù GPMB
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)



BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN VỐN QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT

Từ ngày

Đến ngày

Stt	Nội dung	Lũy kế đến năm trước	Kế hoạch năm nay	Thực hiện đến kỳ này	Lũy kế thực hiện đến kỳ này	Ghi chú
I	SỐ DƯ ĐẦU KỲ					
1	Nguồn vốn NSNN					
2	Nguồn vốn khác					
II	TĂNG TRONG KỲ					
	Từ nguồn NSNN trích 30% nguồn thu từ đất					
1	Thu hồi vốn đã ứng, đã chi hỗ trợ					
2.1	DA 1					
2.2	DA 2					
3	Tăng khác					
III	GIẢM TRONG KỲ					
1	Ứng vốn cho các công trình dự án					
1.1	DA 1					
1.2	DA 2					
...	...					
2	NSNN tỉnh tạm ứng và các khoản chi hỗ trợ					
2.1	DA 1					
2.2	DA 2					
3	Giảm khác					
IV	SỐ DƯ CUỐI KỲ					
1	Vốn bằng tiền					
2	Vốn phải thu NSNN					

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ NĂM...

M11/QPT

Tên dự án:

Mã dự án đầu tư:

Chủ đầu tư:

Thời gian khởi công - hoàn thành:

Quyết định đầu tư được duyệt (số, ngày, tháng, năm):

Tổng mức đầu tư được duyệt:

Tình hình thanh toán vốn:

Đơn vị: đồng

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung	Kế hoạch năm ...	Số vốn đã thanh toán trong năm...			Tổng số vốn theo kế hoạch còn lại chưa thanh toán	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:			
				Thanh toán khối lượng	Vốn tạm ứng theo chế độ		
1	2	3	4	5	6	7=3-4	8
A	Số liệu của chủ đầu tư:						
I	Vốn thanh toán trong năm (1+2+3)						
	Trong đó chia ra:						
1	Kế hoạch vốn trong năm						
2	Vốn ứng trước kế hoạch năm sau (vốn trong nước)						
	Vốn còn lại kế hoạch năm trước						
3	được phép kéo dài chuyển sang:						
	Lũy kế vốn thanh toán từ khởi công						
II	đến hết niên độ ngân sách năm kế hoạch:						
B	Số liệu của Quỹ phát triển đất						
I	Vốn thanh toán trong năm (1+2+3)						
	Trong đó chia ra:						
1	Kế hoạch vốn trong năm						
2	Vốn ứng trước kế hoạch năm sau (vốn trong nước)						
	Vốn còn lại kế hoạch năm trước						
3	được phép kéo dài chuyển sang:						

28

II	Luỹ kế vốn thanh toán từ khởi công						
	đến hết niên độ ngân sách năm kế hoạch:						
C	Chênh lệch vốn thanh toán trong năm:						
I	Vốn thanh toán trong năm (1+2+3):						
1	Kế hoạch vốn trong năm						
2	Vốn ứng trước kế hoạch năm sau (vốn trong nước)						
	Vốn còn lại kế hoạch năm trước						
3	được phép kéo dài chuyển sang:						
II	Luỹ kế vốn thanh toán từ khởi công						
	đến hết niên độ ngân sách năm kế hoạch:						

Ghi chú : + Số vốn thanh toán trong năm là số vốn được thanh toán theo niên độ NSNN theo quy định (đến hết 31/1 năm sau).

+ Số vốn ứng trước kế hoạch năm sau là số vốn được thanh toán đến 31/1 năm sau.

+ Số vốn kéo dài KH năm trước chuyển sang:

Cột 6: vốn tạm ứng theo chế độ còn lại chưa thu hồi đến 31/1 năm sau.

Ngày . . .tháng. . . năm

Chủ đầu tư

Kế toán trưởng Thủ trưởng đơn vị

Ngày . . .tháng. . . năm

Quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Bình

Kế toán trưởng Thủ trưởng đơn vị 